

Bản án số: **80/2023/HS-PT**
Ngày 22 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Tuấn;
Ông Nguyễn Quang Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023; Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến V đối với Bản án hình sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Tiến V**, Tên gọi khác: không; Sinh năm 1987; Giới tính: nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P; Trình độ V hóa: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn V D(Đã chết); Con bà: Lê Thị Th; Vợ: Lê Thị N; Con: Có 03 con (Lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2022);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà **Phạm Thị T** và ông **Bùi Minh K**- Luật sư Công ty Luật TNHH số 1 H; Địa chỉ Phòng 302, tầng 3, tòa nhà 33 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà N. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Chị **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên D, huyện P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Phạm Thành L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh **Bùi Tổ H**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Bến Phà, xã Gia Phú, huyện Bảo Th, tỉnh L. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản Liên Hà 5, xã Bảo Hà, huyện Bảo Y, tỉnh L. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà **Lê Thị Th**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

1. Anh **Trần Tùng H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh **Nguyễn Phi H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 11, phường Cốc Lều, thành phố L, tỉnh L. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Ông **Hoàng Thanh B**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu 5, xã Trị Quận, huyện P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Ông **Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1929; Địa chỉ: Khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/10/2016, anh Nguyễn V T, sinh năm 1992 đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1993 trú tại khu 7, xã Tiên D, huyện P, tỉnh P (trước đây thường trú tại khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P). Trong thời kỳ hôn nhân, ngày 15/3/2019, anh T và có mua xe ô tô tải biển số: 20C-157.49, nhãn hiệu: KIA, màu sơn trắng, số loại BONGO III của anh Lê Thanh T, sinh năm 1993 trú tại tổ 9, phường Thắng L, thành phố Sông C, tỉnh Thái Ng với số tiền 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng) và làm thủ tục sang tên đổi chủ chiếc xe ô tô từ biển số: 20C-157.49 sang biển số: 19C-147.05 (đăng ký xe mang tên anh T). Mục đích mua xe để anh T làm ăn. Sau khi mua xe, anh T đem xe vào thành phố Đà Nẵng để làm việc. Ngày 05/7/2019, anh T tử vong, chiếc xe ô tô trên được chị Ng và Nguyễn Tiến V, sinh năm 1987 thuộc khu Ngọc, xã B, huyện P, tỉnh P (V là anh trai ruột của anh T) lấy về từ trong thành phố Đà Nẵng và gửi tại sân nhà V do sân nhà V có mái che, không làm hỏng xe, giấy tờ xe do V giữ.

Đến khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020 do có nhu cầu mua xe ô tô tải để chở hàng nên anh Phạm Thành L, sinh năm 1988 trú tại tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L và anh Bùi Tổ H, sinh năm 1993 trú tại thôn Bến Phà, xã Gia Phú, huyện Bảo Th, tỉnh L lên các trang mạng để tìm thì thấy bài đăng bán xe ô tô tải biển số: 19C- 147.05 của người đăng mang tên Nguyễn Tiến V. Sau khi thoả thuận thống

nhất, ngày 16/01/2020, anh L cùng với anh H, anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1985 trú tại tổ 11, phường Cốc Lếu, thành phố L, tỉnh L; anh Trần Tùng H, sinh năm 1975 trú tại tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L đến nhà V để mua xe ô tô. V đồng ý bán cho anh H và anh L xe ô tô biển số: 19C-147.05 với số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng). Giấy tờ bán xe do V trực tiếp viết. Anh L trả trực tiếp số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) cho V, còn 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) anh L gọi điện nhờ chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 trú tại số nhà 38, đường Duyên Hà, phường Cốc L, thành phố L, tỉnh L dùng số tài khoản: 19020582875555 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh L chuyển tiền đến số tài khoản: 103869756027 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Phú Thọ của V. Đến khoảng tháng 9 năm 2020, do không còn nhu cầu sử dụng xe ô tô biển số: 19C-147.05 nên anh L và anh H thống nhất bán chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1991 trú tại Bản Liên Hà 5, xã Bảo Hà, huyện Bảo Y, tỉnh L với số tiền là 172.000.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Ngày 29/9/2021, chị Phạm Thị Ng biết việc xe ô tô biển số: 19C-147.05 không còn để tại sân nhà anh V và nhiều lần chị Nguyễn cầu V trả lại xe nhưng V không trả lại. Do nghi ngờ bị anh V bán nên chị Ng đã làm đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT Công an huyện P.

Sau khi tiếp nhận đơn tố giác về tội phạm của chị Phạm Thị Ng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức kiểm tra, xác minh.

Ngày 01/12/2021, Cơ quan điều tra đã tạm giữ xe ô tô biển số: 19C-147.05, nhãn hiệu: KIA, màu sơn: trắng, số máy: J39352932, số khung: KNCWJX74AAK417767, xe đang bị hư hỏng bộ phận máy do anh Nguyễn Minh Đ tự nguyện giao nộp.

Ngày 06/01/2022, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) giấy bán (cho tặng) xe được viết trên nền khổ giấy A4 có cả chữ được đánh máy sẵn và chữ được viết bằng mực màu đen; tại mục tên chủ xe (người bán) có ghi tên Nguyễn V T, hộ khẩu thường trú khu 8, xã Từ Đà, huyện P, tỉnh P; tại phía dưới cùng góc bên phải mục chủ xe bán (cho tặng) có chữ ký đứng tên Nguyễn V T, để trống mục ngày, tháng, năm; tại phía dưới cùng góc bên trái mục người nhận cho tặng không có chữ ký do anh Phạm Thành L tự nguyện giao nộp.

Cơ quan CSĐT công an huyện P đã tiến hành Trưng cầu giám định chữ viết của Nguyễn Tiến Vso với chữ viết trong giấy bán (cho tặng) xe do anh L giao nộp. Trưng cầu giám định đồng thời trưng cầu Hội đồng định giá, định giá đối với xe ô tô nêu trên.

Tại Kết luận giám định số: 1389/KLGD ngày 04/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: Xe ô tô tải biển số: 19C-147.05, nhãn hiệu: KIA, màu sơn: trắng, số máy: J39352932, số khung: KNCWJX74AAK417767 không phát hiện tẩy xóa, sửa chữa số máy, số khung. Số máy trước và sau giám định là: J39352932. Số khung trước và sau giám định là: KNCWJX74AAK417767.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị xe ô tô

biển số: 19C-147.05, nhãn hiệu: KIA; màu sơn: trắng; số loại: BONGO III; loại xe tải có mui, số khung: X74AAK417767; số máy: J39352932, sản xuất năm 2009, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2013, xe cũ đã qua sử dụng, xe đang bị hư hỏng bộ phận máy tại thời điểm tháng 12/2021 là: 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị xe ô tô biển số: 19C-147.05, nhãn hiệu: KIA; màu sơn: trắng; số loại: BONGO III; loại xe tải có mui, số khung: X74AAK417767; số máy: J39352932, sản xuất năm 2009, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2013, xe cũ đã qua sử dụng, xe hoạt động bình thường tại thời điểm ngày 16/01/2020 là: 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số: 368/KL-KTHS ngày 18/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “T”, các chữ “Nguyễn V T” dưới mục “Chủ xe bán (cho tặng)” và chữ viết điền vào các mục trên “Giấy bán (cho tặng) xe” (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ viết trên “Bản báo cáo; Bản tự khai” đứng tên người viết Nguyễn Tiên V (trừ chữ viết tại mục “Điều tra viên; Kiểm sát viên”) và chữ viết dưới mục “Người nhận giấy triệu tập; Người khai” trên “Giấy triệu tập; Biên bản ghi lời khai” (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4) là do cùng một người viết ra.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Tiên V không thừa nhận mình là người đã bán chiếc xe ô tô 19C-147.05, nhãn hiệu KIA, màu sơn trắng nêu trên và chiếm đoạt số tiền bán xe 190.000.000đ. Tuy nhiên, căn cứ kết quả điều tra xác minh, căn cứ lời khai của người làm chứng, người liên quan. Căn cứ kết quả nhận dạng và đối chất giữa người làm chứng, người liên quan và Nguyễn Tiên V xác định Nguyễn Tiên V là người thực hiện hành vi bán xe ô tô 19C-147.05, nhãn hiệu KIA, màu sơn trắng là tài sản của vợ chồng chị Ng và chiếm đoạt số tiền bán xe là 190.000.000đ. Như vậy, kết quả điều tra đã xác định Nguyễn Tiên V đã lợi dụng việc chị Ng gửi xe ô tô BKS 19C 147.05 tại sân nhà V (giấy tờ xe do V giữ) sau đó V đã bán xe ô tô đó cho anh Phạm Thành L với số tiền 190.000.000đ. Nhiều lần chị Ng đòi, nhưng V từ chối không thừa nhận bán xe, không trả xe, hoặc trả lại tiền cho chị Ng. Hành vi của Nguyễn Tiên V đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Tiên V theo điểm c khoản 2, Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P đã Quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiên V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Tiên V 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

* Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Minh Đ về việc anh Nguyễn Minh Đ sẽ nhận lại chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05, anh Đạo không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến V phải bồi thường cho chị Phạm Thị Ng số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Phạm Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị cáo Nguyễn Tiến V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Nguyễn Minh Đ: 01 (một) xe ô tô tải biển số: 19C-147.05, nhãn hiệu: KIA, màu sơn: trắng, số máy: J39352932, số khung: KNCWJX74AAK417767; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036025, biển số đăng ký 19C-147.05 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh P cấp ngày 15/3/2019 đứng tên anh Nguyễn V T; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô 21BB 210465551 ngày 12/7/2021 của xe ô tô BKS 19C-147.05; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an T kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 6829015 ngày 12/7/2021 của xe ô tô BKS 19C-147.05.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2022).

* Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tiến V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và các vấn đề khác đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2023, bị cáo Nguyễn Tiến V có đơn kháng cáo T bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại minh oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

* Quan điểm của các luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến V:

Việc Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P kết tội bị cáo là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P. Đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Tiến V. Tuyên bị cáo Nguyễn Tiến V không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến V nộp trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 04/10/2016, anh Nguyễn V T và chị Phạm Thị Ng kết hôn. Do mới lấy nhau chưa có chỗ ở nên gia đình bàn bạc cho vợ chồng anh T, chị Ngra ở với cụ Trần Thị S (là bà nội của anh T). Sau khi ra ở cùng với cụ Sách, vợ chồng anh T, chị Ngỏi cần tiền vốn để làm ăn nên bảo cụ Sách cho mượn bìa đồ để vay vốn ngân hàng. Ngày 25/5/2017, cụ Sách và vợ chồng anh T, chị Ngải hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 245A, tờ bản đồ số 02, diện tích đất là 570m² và 01 nhà mái bằng một tầng, được UBND xã Tử Đà chứng thực chữ ký. Đến ngày 15/6/2017, UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 985140 mang tên Nguyễn V T và Phạm Thị Ng đối với thửa đất trên. Đến ngày 04/01/2018, anh T và chị Ng đã làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam với số tiền vay 500.000.000đ, thời hạn vay 56 tháng, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 245A. Ngày 15/3/2019, anh T, chị Ng mua xe ô tô tải biển số 20C-157.49, nhãn hiệu KIA, màu sơn trắng, số loại BONGO III của anh Lê Thanh T, sinh năm 1993, trú tại tổ 9, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên với số tiền 215.000.000đ (trong hợp đồng ghi là 30.000.000đ) và làm thủ tục sang tên đổi chủ chiếc xe ô tô từ BKS 20C-157.49 sang BKS 19C-147.05, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn V T. Về nguồn gốc số tiền mua xe này, chị Ng khai vay Ngân hàng 200.000.000đ, còn 10.000.000đ là do vợ chồng T Ngoc tích góp. Tuy nhiên, trong thời gian trước, sau thời điểm anh T, chị Ng mua xe, không phát sinh giao dịch vay tiền với Ngân hàng nào. Cũng tại thời điểm này, mẹ của anh T là bà Lê Thị Th có cho anh T vay tổng số tiền 64.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản (ngày 16/11/2018, bà Th chuyển khoản cho anh T 20.000.000đ; ngày 16/4/2019, bà Th chuyển khoản cho T 44.000.000đ) và cho anh T vay số tiền 53.000.000đ tiền mặt. Ngoài ra, trước thời điểm mua xe, anh T vay của bị cáo Nguyễn Tiến V (là anh trai của T) số tiền 30.000.000đ. Vì vậy, bị cáo V và bà Th cho rằng số tiền mua xe là của bị cáo V và bà Th.

Sau khi mua xe, anh T đem xe vào thành phố Đà Nẵng để làm việc. Đến ngày 05/7/2019, anh T tử vong. Sau khi anh T chết, gia đình anh T đã họp gia đình 02 lần bao gồm bố mẹ anh T, chú của anh T, bị cáo V và chị Ng bàn về việc tài sản của anh T và chị Ng còn gì và các khoản nợ của vợ chồng anh T, chị Ngoc. Cả hai cuộc họp này, chị Ng đều xác nhận tài sản của hai vợ chồng còn lại chiếc xe ô tô BKS

19C-147.05 và nợ Ngân hàng 150.000.000đ, các khoản nợ bên ngoài chưa thống kê hết. Chị Ngọc cùng với mọi người cũng thống nhất bán xe để trả nợ Ngân hàng. (Cả hai cuộc họp này đều không lập biên bản).

Đến ngày 28/8/2019, bị cáo V đã vay số tiền 150.000.000đ để trả Ngân hàng cho vợ chồng anh T, chị Ng(có xác nhận của Ngân hàng), đồng thời đã thông báo cho chị Ng bằng việc nhắn tin vào điện thoại anh T (do chị Ng quản lý), chị Ng đã xem nhưng không nhắn lại. Nội dung tin nhắn là *“Chiều anh mang xe xuống Vĩnh Phúc bán, nếu em rảnh thì đi cùng luôn”*. Sau đó, khoảng 08 giờ ngày 29/8/2019, bị cáo V và bà Th gọi chị Ng đến nhà nói đã bán chiếc xe ô tô được 200.000.000đ và đã trả Ngân hàng 150.000.000đ nhưng thực tế bị cáo V chưa bán xe. Chị Ng bảo nếu bán xe rồi thì trả tiền cho chị Ng để chị Ng trả nợ các chỗ khác, nếu không trả tiền thì chuộc chiếc xe ô tô về.

Ngày 10/9/2019, chị Ng có đơn tố giác bị cáo V bán xe của vợ chồng chị Ng không được sự đồng ý của chị Ng. Cùng ngày, Cơ quan Công an đã làm việc và xác định: Chiếc xe đang để tại nhà bà Th. Bà Th khai ngày 04/9/2019, bị cáo V mang xe cùng giấy tờ về nhà bà Th và giao cho bà Th quản lý chiếc xe đó. Bà Th cho rằng chiếc xe này là do bà và bị cáo V đưa tiền cho vợ chồng anh T vay để mua. Nay bà không giao xe cho ai nếu chị Ng muốn lấy xe thì trả tiền cho bà và bị cáo V. Cơ quan Công an tạm giao chiếc xe trên cho bà Th quản lý, yêu cầu bà Th không được mua bán, cho tặng, di chuyển thay đổi hiện trạng). Đến ngày 28/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P đã ban hành quyết định 09/KLĐT không khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Tiến V.

Ngày 28/10/2019, cụ Sách có đơn khởi kiện vụ án dân sự gửi Tòa án nhân dân huyện P đề nghị tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/5/2017 giữa bà và anh Nguyễn V T, chị Phạm Thị Ng là vô hiệu; thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH985140 mang tên anh Nguyễn V T và chị Phạm Thị Ng do UBND huyện P cấp ngày 15/6/2017. Ngày 30/7/2021, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị S, tuyên bố hợp đồng tặng cho giữa cụ Sách và vợ chồng anh T, chị Ngô hiệu một phần.

Đến ngày 29/9/2021, chị Ng làm đơn tố giác bị cáo V và bà Th có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe ô tô ô tô BKS 19C-147.05 của vợ chồng chị. Ngày 16/01/2020, bị cáo V đã bán xe cho Phạm Thành L với số tiền 190.000.000đ, trong đó, anh L trả trực tiếp số tiền 110.000.000đ, còn 80.000.000đ anh L nhờ chị Nguyễn Thị L chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo V. Cả bị cáo V và bà Th đều khai chiếc xe trên do ông Nguyễn V Đ bán chứ không phải bị cáo V bán (Ông Đ chết ngày 01/7/2021). Tại kết luận giám định chữ ký, chữ viết trên giấy tờ mua bán xe cho anh Phạm Thành L là của Nguyễn Tiến V (ngày 06/1/2022). Ngày 29/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm. Ngày 25/4/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Ngày 24/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Tiến V.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tiến V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều

175 Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 30 tháng tù giam.

[3] Bị cáo Nguyễn Tiến Vkháng cáo T bộ nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại minh oan cho bị cáo để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo V, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành mượn hồ sơ tố giác tội phạm lần đầu của chị Phạm Thị Ng (ngày 10/9/2019) do Công an huyện P, tỉnh P đã giải quyết; Hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa cụ Trần Thị S và chị Phạm Thị Ng do Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ tố giác tội phạm lần đầu của chị Phạm Thị Ng (ngày 10/9/2019); hồ sơ vụ án dân sự giữa cụ Trần Thị S và chị Phạm Thị Ng; hồ sơ vụ án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến V tại cấp sơ thẩm cũng như lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến V, người bị hại chị Phạm Thị Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th và những người làm chứng bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tiến H, anh Hoàng Thanh B tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ một số vấn đề liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tiến V, cụ thể:

- **Thứ nhất:** Chưa làm rõ nguồn gốc số tiền vợ chồng anh Nguyễn V T, chị Phạm Thị Ng mua chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05, có việc góp vốn như trình bày của bị cáo Nguyễn Tiến V và bà Lê Thị Th hay không? Nếu có thì đóng góp bao nhiêu tiền?

- **Thứ hai:** Chưa làm rõ việc ngày 10/9/2019 sau khi có đơn tố giác của chị Phạm Thị Ng đối với bị cáo Nguyễn Tiến V về việc bán chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05, Công an huyện P đã xác định chiếc xe ô tô trên để ở nhà bà Lê Thị Th và đã lập biên bản giao xe ô tô cho bà Th trông coi quản lý, không được mua bán, đổi trác ...thì lý do tại sao bị cáo V lại lấy được chiếc xe ô tô cùng các loại giấy tờ xe để bán cho anh Bùi Tổ H và anh Phạm Thành L, số tiền 190.000.000đ sau khi bị cáo V bán chiếc xe ô tô đã sử dụng vào việc gì? Việc sử dụng khoản tiền này có được sự đồng ý của chị Ng không?

- **Thứ ba:** Chưa làm rõ ý thức chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Tiến V vì:

1. Các bên đều thừa nhận tại 02 cuộc họp gia đình, thống nhất bán chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05 để trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn V T, chị Phạm Thị Ng. Sau đó, ngày 28/8/2019 bị cáo V đã nộp số tiền 150.000.000đ để trả Ngân hàng thay cho vợ chồng anh T, chị Ng (bị cáo V đã nhắn tin, trao đổi với chị Ng về việc bán chiếc xe ô tô để trả Ngân hàng), chị Ng biết bị cáo V trả tiền Ngân hàng số tiền 150.000.000đ khi nào? Lý do tại sao ngày hôm sau 29/8/2019 chị Ng và bà Th cùng bị cáo V trao đổi thì chị Ng lại không nhất trí bán chiếc xe ô tô và nếu đã bán chiếc xe ô tô trả số tiền 150.000.000đ cho Ngân hàng thì chị Ng lại yêu cầu bị cáo V lấy tiền về để đưa cho chị Ng?

2. Tại biên bản định giá tài sản ngày 12/11/2020 trong vụ án dân sự, chị Ng có mặt tại buổi định giá và xem xét thẩm định tại chỗ. Chị Ng lúc đó đang ở nhà cụ Sách, liền kề nhà bà Th, tại sao chị Ng không yêu cầu khi không thấy chiếc xe ô tô

BKS 19C-147.05 để ở đó? Lời khai của chị Ngthê hiện, đến ngày 25/6/2021, do có mâu thuẫn với cô chú nên không thể trực tiếp ở tại ngôi nhà của cụ Sách nữa nên chuyển về nhà mẹ để ở. Như vậy, chị Ngthê ngôi nhà từ thời điểm anh T chết ngày 05/7/2019 đến ngày 25/6/2021, trong khi đó chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05 được bán từ ngày 16/01/2020 mà chị Ngthê không có ý kiến gì.

3. Trong vụ án dân sự, chị Ngthê có chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05 nhưng không khai sổ nợ Ngân hàng (bút lục 280 - Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, bút lục 387 - Biên bản hòa giải). Như vậy, T bộ quá trình giải quyết vụ án dân sự từ 28/10/2019 đến ngày 30/7/2021 khi có Bản án dân sự sơ thẩm, chị Ngthê không khai khoản tiền nợ Ngân hàng 150.000.000đ, bị cáo V đã trả.

- **Thứ tư:** Nếu có việc bị cáo V chiếm đoạt số tiền bán chiếc xe ô tô BKS 19C-147.05, thì số tiền chiếm đoạt là 190.000.000đ hay 40.000.000đ?

Từ những nhận định trên, xét thấy vụ án còn nhiều nội dung chưa được điều tra làm rõ theo Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do vậy, cần hủy án Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P để điều tra lại theo thủ tục chung.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là phù hợp nên chấp nhận.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Do vụ án bị hủy để điều tra lại một số vấn đề liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tiến Vnên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo cho rằng không phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

[2] Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh P;
- TAND H. P;
- VKSND H. P;
- Công an H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- TB UBND nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang

